

Bản án số: 50/2018/DS-ST

Ngày: 12-9-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp UBND phường X – thành phố L

2. Ông Lê Thành Thật

Phó Chủ tịch HĐND phường P – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST–DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị Kim H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 20-21, đường U, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Huỳnh Thảo L, sinh năm 1982. Địa chỉ: số 119/2, đường D, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2018). Ông Luyện có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hoàng N, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 39, khóm 6, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Thảo L trình bày:

Bà Võ Thị Hoàng N có thỏa thuận vay tiền của bà Quách Thị Kim H nhiều lần với tổng số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ngày 28/06/2011 bà Nga vay 100.000.000đ;

Lần thứ hai, ngày 04/11/2011 vay 100.000.000 đồng;

Lần thứ ba, ngày 06/01/2012 vay 100.000.000 đồng;

Lần thứ tư, (không nhớ rõ ngày tháng) của năm 2012 vay thêm 100.000.000 đồng.

Các lần vay trên, bà N có ký biên nhận nợ với bà H và lãi suất thỏa thuận vay là 1%/tháng, bà N đóng lãi cho bà H đến tháng 12/2012 thì ngưng và cố tình lẩn tránh không đóng lãi cho bà H. Đến ngày 12/6/2016, hai bên gặp nhau và xác nhận số tiền còn nợ là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), bà N ký giấy nhận nợ và cam kết trả cho bà H mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đồng thời hứa khi nào bán được nhà đất sẽ trả hết nợ cho bà H. Sau đó, bà Nga có trả cho bà H nhiều lần được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) thì bán nhà đất bỏ đi nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ như cam kết. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền còn nợ là 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

* Bị đơn bà Võ Thị Hoàng N vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Thảo L trình bày: Bà N và bà H có mối quan hệ là bạn bè. Bà N thỏa thuận vay tiền của bà H 04 lần với tổng cộng số tiền là 400.000.000đ, mỗi lần vay bà N đều ký biên nhận nợ, lãi thỏa thuận 1%/tháng. Đến tháng 6/2016, hai bên gặp nhau xác nhận số nợ trên, còn các biên nhận nợ của từng lần vay thì hủy bỏ, bà N cam kết trả nợ cho bà N mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đồng thời hứa khi nào bán nhà đất sẽ thanh toán hết nợ. Bà N trả tiền nhiều lần đến tháng 10/2017 được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) thì ngưng và sau đó bán nhà đất bỏ đi không thanh toán hết nợ như cam

kết. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Hoàng N phải trả cho bà Quách Thị Kim H số tiền còn nợ là 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà H, bà N có quan hệ vay mượn số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) thể hiện tại Giấy nhận nợ và cam kết thanh toán ngày 12/6/2016, đã thanh toán được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), và không thanh toán nợ như cam kết nên bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Quách Thị Kim H và bà Võ Thị Hoàng N là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bà Quách Thị Kim H là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định bà Võ Thị Hoàng N là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Nguyên đơn bà Quách Thị Kim H ký văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Thảo L tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông L tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.4] Bị đơn bà Võ Thị Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà N hợp lệ. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bà N đã từ chối các quyền, cũng

như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[1.5] Tại Giấy xác nhận nợ và cam kết thanh toán nợ ngày 12/6/2016, bên vay là bà Võ Thị Hoàng N có ghi rõ nơi thường trú tại tổ 39, khóm 6, phường H, thành phố L. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 16/5/2018 được Công an phường H, thành phố L xác nhận: “Bà N có tạm trú tại tổ 39, khóm 6, phường H, thành phố L. Khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018 bà N đã bán nhà và không còn sinh sống tại địa phương”. Việc bà N bỏ đi nhưng không thông báo cho bà H biết là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Võ Thị Hoàng N.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự 2005 giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo đại diện nguyên đơn, từ tháng 6/2011 đến tháng 01/2012 bà N có thỏa thuận vay của bà H nhiều lần với tổng số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), lãi thỏa thuận là 1%/tháng, các lần vay bà N đều ký biên nhận nợ. Đến ngày 12/6/2016, hai bên thống nhất nợ, bà N viết biên nhận nợ và cam kết thanh toán cho bà H hàng tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đồng thời hứa khi nào bán được nhà đất thì sẽ trả hết số tiền nợ gốc còn lại cho bà Hạnh. Sau đó, bà N trả nhiều lần được 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) thì bán nhà đất bỏ đi, không thanh toán số nợ còn lại như cam kết. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N phải trả số tiền 320.000.000đ, không yêu cầu tính lãi do chậm nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tài sản, xác lập giấy nhận nợ bằng văn bản phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; giấy nhận nợ ghi rõ họ tên người cho vay là Quách Thị Kim H, người ký vay là Võ Thị Hoàng N, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ trả nợ, thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được qui định tại các Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 11/2017 đến nay nhưng phía bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, từ chối các quyền cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Kim H được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Võ Thị Hoàng N phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471; Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử vắng mặt bà Võ Thị Hoàng N.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Kim H đối với bị đơn bà Võ Thị Hoàng N.

Buộc bà Võ Thị Hoàng N phải trả cho bà Quách Thị Kim H 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Hoàng N phải nộp 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Quách Thị Kim H 8.000.000đ (tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003802 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

